

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:
Trạm biến áp của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương đầu tư Dự án: Trạm biến áp của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 11327/UBND-THKH ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao triển khai thực hiện dự án: Trạm biến áp của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 2953/SCT-QLĐN ngày 14/10/2021 kèm theo Tờ trình số 1039/TTr-BQL ngày 06/10/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Trạm biến áp của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Trạm biến áp của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa.
2. Loại, cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp IV.
3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa.

4. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề ngân sách tỉnh hàng năm.

5. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa, số 4 đường Nguyễn Tạo, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa.

6. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty cổ phần E&P.

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 876.143.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng:	289.092.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	473.293.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	23.932.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	71.199.000 đồng
- Chi phí khác:	18.627.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

8. Nội dung thiết kế, giải pháp kỹ thuật:

Công trình Trạm biến áp của trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hoá có thiết kế như sau:

* Đường dây trung thế:

Xây dựng mới đoạn tuyến đường dây trung thế cấp điện cho TBA Trung tâm giáo dục thường xuyên được đấu nối tại TBA Nguyễn Thái Học lộ 476-E9.1 hiện trạng, có chiều dài tuyến là 22m, sử dụng dây dẫn loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-w-3x70-24kV.

- Kết cấu chính tuyến đường dây trung thế xây dựng mới:

+ Xà thép hình được mạ kẽm nhúng nóng loại: XP-3; XP-2; XCD-1LT; XDC+CSV-1LT; XNB35-2TD; GCD+TT; Cột bê tông cốt thép và ống thép bảo vệ;

+ Cách điện loại: Sứ đứng-24kV;

+ Thiết bị đóng cắt, bảo vệ, đấu nối: Chồng sét van-24kV; cầu dao phụ tải-24kV-630A; Đầu cáp loại: 3x70-24kV;

+ Dây dẫn loại: cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-w-3x150-24kV; dây đầu lều AsXE-70/11mm²; dây đồng mềm M50;

+ Hào cáp ngầm: được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm đất đầm chặt+gạch chỉ+lưới bảo hiệu cáp; cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-130/110; Đoạn qua vỉa hè, lên cột được luồn trong ống thép mạ kẽm D100;

+ Tiếp địa, phụ kiện: các vị trí cột được bố trí tiếp địa bằng thép hình được mạ kẽm nhúng nóng loại L63x63x6 dài 2,5m, nối bằng thanh dẹt 40x4 và các vật liệu, phụ kiện đường dây trung thế được lựa chọn phù hợp như ghíp nhôm, đầu cốt...

* Phần Trạm biến áp:

Xây dựng TBA Trung tâm giáo dục thường xuyên nằm trong khuôn viên của trung tâm, kiểu trạm treo, hệ xà và các thiết bị cao hạ áp được đặt trên 02 cột LT12-7,2KN.

- Kết cấu chính của trạm biến áp:
 - + Máy biến áp loại: 400kVA-22/0,4kV (đảm bảo hiệu suất E50% theo TCVN 8525:2010);
 - + Cột loại: LT12-7,2KN;
 - + Móng cột bê tông cốt thép M150 loại MT-4;
 - + Xà thép loại: Xà đón dây đầu trạm dọc tuyến; XTG-1; Xà cầu chì + chống sét van; Xà đỡ thanh cái dưới; Dầm đỡ máy biến áp; Congson đỡ dầm máy; Giá đỡ cáp tổng; GTT+TT;
 - + Thiết bị cáo thế: chống sét van ZnO-24kV; LBFCO-24kV-13,5A;
 - + Cách điện: Sứ đứng-24kV;
 - + Tủ hạ thế+giá đỡ loại: 600A-500V;
 - + Dây dẫn loại: Cu/XLPE/PVC-1x70-24kV; Dây trung tính nối MBA Cu/PVC-1x70mm²-0,6kV; Cáp tổng hạ thế Cu/XLPE-120mm²-0,6kV; Dây đồng mềm Cu/PVC-1x50 (nối CSV);
 - + Hệ tiếp địa bằng thép hình loại L63x63x6 dài 2,5m, được nối bằng thanh dẹt 40x4 đảm bảo $R_{nd} \leq 4\Omega$;
 - + Đấu nối: Kẹp quai + hot line; Ghép Cu/Al M70;
 - + Phụ kiện: Ống cáp xuất tuyến HDPE $\Phi 65/50$; nắp chụp cực phù hợp với các thiết bị; đầu cốt đồng các loại.

(Chi tiết có các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm định kèm theo)

Điều 2. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (T1025).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: TRẠM BIẾN ÁP CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(đơn vị tính: đồng)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng (Gxd):	<u>262,811,062</u>	<u>26,281,106</u>	<u>289,092,000</u>
1	Phần trung thể (Gtt)	146,826,299	14,682,630	161,508,929
2	Phần trạm biến áp (Gtba)	115,984,763	11,598,476	127,583,239
II	Chi phí thiết bị (Gtbp)	<u>430,266,127</u>	<u>43,026,613</u>	<u>473,293,000</u>
1	Mua sắm thiết bị đường dây	398,275,000	39,827,500	438,102,500
2	- Chi phí vận chuyển	1,693,815	169,382	1,863,197
3	Chi phí quản lý mua sắm thiết bị của nhà thầu: 1,1%*Gmstb	4,381,025	438,103	4,819,128
4	Chi phí lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị	25,916,287	2,591,629	28,507,916
III	-Chi phí QLDA: 3,453%*(G_{XD}+G_{TB})	<u>23,931,955</u>	-	<u>23,932,000</u>
IV	Chi phí tư vấn đầu tư (Gtvdt):	<u>64,771,498</u>	<u>6,427,873</u>	<u>71,199,000</u>
1	Chi phí khảo sát	1,432,536	143,254	1,575,790

2	- Lập BCKTKT (Gxd+Ctb)*6,7%	46,436,172	4,643,617	51,079,789
3	- Chi phí giám sát thi công: 3,508%*Gxd	9,219,412	921,941	10,141,353
4	- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị :1,147%*Gmstb	4,935,152	493,515	5,428,668
5	- Chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật: 0,190%*Gxd*50%	249,671		249,671
6	- Chi phí thẩm định dự toán: 0,185%*Gxd*50%	243,100		243,100
7	Chi phí thẩm định giá (tt)	2,255,455	225,545	2,481,000
V	Chi phí khác (Gk):	<u>17,338,637</u>	<u>1,288,249</u>	<u>18,627,000</u>
1	Chi phí kiểm toán: 0,96%*TMĐT	7,505,094	750,509	8,255,604
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 0,57%*TMĐT	<u>4,456,150</u>		4,456,150
3	- Chi phí bảo hiểm công trình: 0,2%*(Gxl+Gtb)	1,386,154	138,615	1,525,000
4	Chi phí thẩm định dự án: (0,019%*TMĐT)	66,788	6,679	73,467
5	Chi phí nghiệm thu đóng điện: Gxltt*0,54%+Gxltba*2,7%	3,924,451	392,445	4,316,896
	<u>Tổng cộng:</u>	<u>799,119,280</u>	<u>77,023,840</u>	<u>876,143,000</u>